

ÔN TẬP TOÁN BÀI 1

Em hãy khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1: a) Trong các phân số $\frac{6}{5}; \frac{5}{5}; \frac{6}{6}; \frac{5}{6}$ phân số bé hơn 1 là:

A. $\frac{5}{6}$

B. $\frac{6}{6}$

C. $\frac{5}{5}$

D. $\frac{6}{5}$

b) Phân số nào sau đây lớn hơn 1:

A. $\frac{3}{5}$

B. $\frac{2}{10}$

C. $\frac{6}{9}$

D. $\frac{33}{11}$

Câu 2: a) Trong các số 19355; 871; 38250; 49145 số chia hết cho 2 là:

A. 19355

B. 871

C. 38250

D. 49145

b) Trong các số sau ,số chia hết cho 5 và 2 là:

A. 11

B. 60

C. 123

D. 224

c) Số thích hợp điền vào chỗ chấm để 9...8 chia hết cho 3 và 9 là:

A. 0

B. 1

C. 2

D. 3

Câu 3: Số thích hợp viết vào chỗ chấm

a) $80\text{km}^2 = \dots\dots\dots\text{m}^2$

b) $81\text{m}^2 32\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$

c) $4003\text{dm}^2 = \dots\dots\text{m}^2 \dots\dots\text{dm}^2$.

d) $10\ 000\ 000\text{m}^2 = \dots\dots\dots\text{km}^2$.

Câu 4: (1 điểm) số thích hợp điền vào chỗ chấm là: $\frac{\dots}{8} = \frac{1}{2}$

A. 3

B. 2

C. 4

D. 1

Câu 5 (1đ): Tính diện tích hình bình hành biết độ dài đáy là 14cm và chiều cao là 10cm. Diện tích hình bình hành là:

A. 140cm^2

B. 24cm^2

C. 70cm^2

D. 48cm^2

Câu 6 : Quy đồng mẫu số các phân số:

1, $\frac{5}{6}$ và $\frac{3}{7}$

2, $\frac{1}{2}$, $\frac{2}{3}$ và $\frac{3}{5}$

Câu 7 :

Viết các phân số lần lượt bằng $\frac{5}{6}$ và $\frac{9}{8}$ có mẫu chung là 24

Câu 8: Cả hai lớp 4A và 4B trồng được 600 cây . Lớp 4A trồng được ít hơn lớp 4B là 50 cây. Hỏi mỗi lớp trồng được bao nhiêu cây ?

Giải

.....
.....
.....

Câu 9 :

Một mảnh vườn hình bình hành có đáy 24 m. Đáy gấp 4 lần chiều cao. Tính diện tích mảnh vườn?

Đáp án TOÁN BÀI 1

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5
a)A b)D	a)C b)B c) B	a)80.000.000 m ² b) 8132 dm ² c) 40m ² 3dm ² d)10 km ² .	C	A

Câu 6

$$1, \frac{5}{6} = \frac{5 \times 7}{6 \times 7} = \frac{35}{42}, \quad \frac{3}{7} = \frac{3 \times 6}{7 \times 6} = \frac{18}{42}$$

$$2, \frac{1}{2} = \frac{1 \times 15}{2 \times 15} = \frac{15}{30},$$

$$\frac{2}{3} = \frac{2 \times 10}{3 \times 10} = \frac{20}{30}$$

$$\frac{3}{5} = \frac{3 \times 6}{5 \times 6} = \frac{18}{30}$$

Câu 7:

$$\frac{5}{6} = \frac{20}{24} \text{ và } \frac{9}{8} = \frac{27}{24}$$

Câu 8 : GIẢI

Số cây lớp 4A trồng được là:

$$(600 - 50) : 2 = 275 \text{ (cây)}$$

Số cây lớp 4B trồng được là:

$$275 + 50 = 325 \text{ (cây)}$$

Đáp số: Lớp 4A: 275 cây

Lớp 4B: 325 cây

Câu 9 : Chiều cao mảnh vườn là:

$$24 : 4 = 6 \text{ (m)}$$

Diện tích mảnh vườn là:

$$24 \times 6 = 144 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 144 m²

ÔN TẬP TOÁN BÀI 2

Em hãy khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1:

a) Phân số nào dưới đây bằng phân số $\frac{4}{5}$?

A. $\frac{20}{16}$

B. $\frac{16}{20}$

C. $\frac{16}{15}$

D. $\frac{12}{16}$

b) Rút gọn phân số $\frac{24}{36}$ ta được phân số tối giản là:

A. $\frac{12}{18}$

B. $\frac{8}{12}$

C. $\frac{2}{3}$

c) Các phân số $\frac{1}{4}; \frac{2}{7}; \frac{1}{3}$ được xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

A. $\frac{1}{3}; \frac{2}{7}; \frac{1}{4}$

B. $\frac{2}{7}; \frac{1}{3}; \frac{1}{4}$

C. $\frac{1}{4}; \frac{1}{3}; \frac{2}{7}$

d) 4 tấn 25 kg = kg

A. 4025 kg

B. 425 kg

C. 4250 kg

D. 40025 kg

Câu 2. Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{5}{7}$ và $\frac{8}{9}$ ta được :

A. $\frac{45}{63}$ và $\frac{56}{63}$

B. $\frac{45}{63}$ và $\frac{35}{63}$

C. $\frac{35}{63}$ và $\frac{72}{63}$

D. $\frac{40}{63}$ và $\frac{63}{63}$

Câu 3. Số thích hợp điền vào ô trống để $\frac{64}{44} = \frac{\square}{11}$ là:

A. 66

B. 16

C. 20

D. 33

Câu 4. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống :

a. $\frac{3}{5}$ tấn = 6 tạ

c. $\frac{3}{4}$ thế kỉ = 70 năm

b. $5m^2 = 50000 cm^2$

d. 2 ngày 3 giờ = 27 giờ

Câu 5:

a) Hình bình hành là hình :

A. Có bốn góc vuông.

B. Có bốn cạnh bằng nhau.

C. Có hai cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau.

D. Có bốn góc vuông và có hai cặp cạnh đối diện bằng nhau.

b) Số thích hợp viết vào chỗ chấm để $45m^2 6cm^2 = \dots\dots\dots cm^2$ là:

A. 456

B. 4506

C. 450 006

Câu 6: Một cửa hàng ngày đầu bán được 120m vải, ngày thứ hai bán được bằng số mét vải bán trong ngày đầu, ngày thứ ba bán được gấp đôi ngày đầu. Hỏi trung bình mỗi ngày cửa hàng đã bán được bao nhiêu mét vải

Câu 7 : Hãy tìm các chữ số x và y sao cho $\overline{17x8y}$ chia hết cho cả 5 và 9.

Đáp án TOÁN BÀI 2

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5
a) B b) C c) A d) A	A	B	a. Đ; b. Đ c. S; d. S	a) C b) C

Câu 6:

Trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được số mét vải là;

$$(120 + 120 + 120 \times 2) : 3 = 160(\text{m})$$

Câu 7: (3 điểm)

$$y = 0 ; x = 2 \text{ hoặc } y = 5 ; x = 6$$

ÔN TẬP TOÁN BÀI 3

Câu 1: Phân số nào dưới đây bé hơn phân số $\frac{3}{7}$?

A. $\frac{3}{5}$

B. $\frac{9}{21}$

C. $\frac{6}{16}$

Câu 2: Phân số lớn nhất trong các phân số $\frac{3}{4}$; $\frac{7}{7}$; $\frac{3}{2}$; $\frac{4}{3}$ là:

A. $\frac{3}{4}$

B. $\frac{7}{7}$

C. $\frac{3}{2}$

D. $\frac{4}{3}$

Câu 3: Số thích hợp viết vào chỗ chấm để $45\text{m}^2 6\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$ là:

A. 456

B. 4506

C. 456 000

D. 450 006

Câu 4: Một lớp học có 18 học sinh nữ và 12 học sinh nam. Hỏi số học sinh nam chiếm bao nhiêu phần số học sinh cả lớp ?

A. $\frac{2}{5}$

B. $\frac{2}{3}$

C. $\frac{3}{5}$

D. $\frac{3}{2}$

Câu 5: Số thích hợp điền vào chỗ chấm trong các phân số: $\frac{56}{32} = \frac{\dots}{16}$ là :

A. 24

B. 22

C. 28

D. 26

Câu 6: Các phân số được sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

A. $\frac{2}{3}$; $\frac{5}{6}$; $\frac{4}{2}$

B. $\frac{5}{6}$; $\frac{2}{3}$; $\frac{4}{2}$

C. $\frac{4}{2}$; $\frac{5}{6}$; $\frac{2}{3}$

D. $\frac{2}{3}$; $\frac{4}{2}$; $\frac{5}{6}$

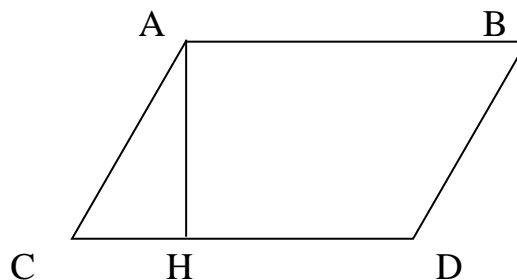
Câu 7 : Trong hình vẽ bên các cặp cạnh song song với nhau là:

A. AH và HC; AB và AH

B. AB và BC ; CD và AD

C. AB và DC; AD và BC

D. AB và CD; AC và BD



Câu 8:

<
>

a) $\frac{7}{12} \dots\dots\dots \frac{7}{13}$

b) $\frac{10}{18} \dots\dots\dots \frac{11}{18}$

c) $\frac{5}{8} \dots\dots\dots \frac{10}{16}$

d) $1 \dots\dots\dots \frac{70}{71}$

Câu 9. Một tấm bìa hình bình hành có cạnh đáy 15dm, chiều cao tương ứng dài bằng $\frac{1}{3}$ cạnh đáy. Hỏi diện tích tấm bìa đó rộng bao nhiêu đề-xi-mét vuông ?

Bài giải

.....
.....
.....

Câu 10 : Một khu đất hình chữ nhật có diện tích là 1 km^2 , chiều rộng là 500 m.
Tính chiều dài khu đất đó?

ĐÁP ÁN TOÁN BÀI 3

I. Phần trắc nghiệm : (4 điểm)

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7
C	D	B	A	C	C	D

Câu 8 : (1 điểm)

<
>

a) $\frac{7}{12} > \frac{7}{13}$ (0,25 điểm)

b) $\frac{10}{18} < \frac{11}{18}$ (0,25 điểm)

c) $\frac{5}{8} = \frac{10}{16}$ (0,25 điểm)

d) $1 > \frac{70}{71}$ (0,25 điểm)

Câu 9. Chiều cao của tấm bìa hình bình hành là: $15 : 3 = 5$ (dm)

Diện tích của tấm bìa đó là: $15 \times 5 = 75$ (dm²)

Đáp số: 75dm²

Câu 10

Đổi $1 \text{ km}^2 = 1000000 \text{ m}^2$

Chiều dài khu đất đó là:

$$1000000 : 500 = 2000 \text{ (m)}$$

Đáp số: 2000 m

ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

I. ĐỌC THẦM

Chiếc nón mẹ làm

An-đây được mẹ may cho một chiếc nón mới. Chiếc nón màu đỏ được điểm xuyết bằng một miếng vải màu xanh ở chính giữa. An-đây hãnh diện và muốn khoe với mọi người chiếc nón của mình. Thế là, cậu đến quảng trường nơi sắp diễn ra trận bóng của hoàng gia.

Tại đây, An-đây gặp công chúa và nhà vua. Công chúa mặc một chiếc váy bằng lụa trắng đính nơ vàng tuyệt đẹp. Nàng tháo sợi dây chuyền của mình đeo vào cổ cậu bé và bảo:

- Này em, hãy đưa chiếc nón cho ta.

An-đây lắc đầu. Thành linh, nhà vua oai vệ bước tới. Nhà vua khoác chiếc áo choàng đỏ tía. Chiếc vương miện bằng vàng lấp lánh trên mái tóc gọn sóng trắng phau của ngài. Nhà vua mỉm cười:

-Ngươi sẽ đổi chiếc nón lấy chiếc vương miện bằng vàng của ta chứ?

An-đây sững sờ nhìn đức vua. Khi nhà vua cầm chiếc vương miện tiến đến gần cậu. Cậu phóng như tên bắn ra khỏi quảng trường. Cậu chạy nhanh đến nỗi sợi dây chuyền rơi ra khỏi cổ nhưng chiếc nón vẫn còn nguyên trên đầu.

Về nhà, An-đây sà vào lòng mẹ và lo lắng kể hết mọi việc cho mẹ nghe.

Mẹ ôm An-đây thật chặt, rồi âu yếm hôn cậu bé:

-Dù cho con có đổi vương miện bằng vàng thì trông con vẫn, không tuyệt như khi đội chiếc mũ mẹ làm.

An-đây lại cảm thấy vui vẻ như trước.

Sưu tầm

Em đọc thầm bài “*Chiếc nón mẹ làm*” rồi làm các bài tập sau:

1. Trong bài, An-đrây hạnh diện vì được mẹ tặng cho:

(Đánh dấu x vào ô trống trước ý đúng nhất)

- một chiếc áo mới bằng lụa trắng.
- một chiếc áo choàng màu đỏ tía.
- một sợi dây chuyền bằng vàng.
- một chiếc nón tự tay mẹ may.

2. Món quà mà mẹ tặng An-đrây có đặc điểm là:

(Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống)

- Một chiếc nón vải màu đỏ, điểm xuyết một miếng vải xanh ở chính giữa .
- Mẹ tốn rất nhiều tiền để mua chiếc nón này ở cửa hàng thiếu nhi.
- Công chúa và nhà vua không thích chiếc nón của An-đrây ca.
- Chiếc nón vải làm cho An-đrây ca vô cùng hạnh diện khi đội trên đầu.

3. Vì sao An-đây không muốn đổi chiếc nón cho công chúa, cho nhà vua?

.....
.....
.....
.....

4. Trong bài, người mẹ thấy An-đrây đẹp tuyệt lúc nào?

.....
.....

5. Qua bài đọc trên, em có cảm nhận gì về An-đrây. Hãy viết vài dòng nói lên suy nghĩ của em về bạn ấy.

.....
.....
.....
.....
.....

6. Câu “*Công chúa mặc một chiếc váy bằng lụa trắng đính nơ vàng tuyệt đẹp.*”

Là câu kể

Các tính từ có trong câu là.....

7. Vị ngữ trong câu “Chiếc mũ màu đỏ được điểm xuyết bằng một miếng vải màu xanh ở chính giữa.” là những từ ngữ: (Đánh dấu x vào ô trống trước ý đúng nhất)

- mũ màu đỏ được điểm xuyết bằng một miếng vải màu xanh ở chính giữa.
- được điểm xuyết một miếng vải màu xanh ở chính giữa.
- đỏ được điểm xuyết bằng một miếng vải màu xanh ở chính giữa.
- màu đỏ được điểm xuyết bằng một miếng vải màu xanh ở chính giữa.

8. Tìm và ghi lại các từ láy có trong đoạn văn sau:

“Về nhà, An-đrây sà vào lòng mẹ.... lại cảm thấy vui vẻ như trước.”

Các từ láy là:

.....
.....

9. Nối câu ở cột A với đúng kiểu câu ở cột B.

A		B
Người mẹ ôm An-đrây thật chặt, rồi âu yếm hôn cậu bé.	•	Ai là gì?
Mẹ An-đrây là người khéo tay nhất nhà.	•	Ai thế nào?
An-đrây lại cảm thấy vui vẻ như trước.	•	Ai làm gì?

ĐÁP ÁN MÔN TIẾNG VIỆT

I. ĐỌC THẦM

1. một chiếc nón tự tay mẹ may.

2. Thứ tự điền là: **Đ - S - S - Đ**

3. **Gợi ý:** Vì An-đây yêu quý mẹ. An-đây quý trọng sản phẩm do chính tay mẹ làm. Hoặc An-đây yêu mẹ, cậu không muốn làm buồn.....HS tự do diễn đạt theo cảm nhận của HS.

4. **Gợi ý:** Mẹ thấy An-đây đẹp tuyệt lúc cậu đội chiếc mũ mẹ làm.

5. Học sinh tự viết theo cảm nhận của mình, ít nhất là 2 câu

Ví dụ. An-đây là đứa con hiếu thảo. An-đây không tham món quà đắt tiền từ người lạ. An-đây yêu quý công sức của mẹ mình hơn mọi thứ khác.....

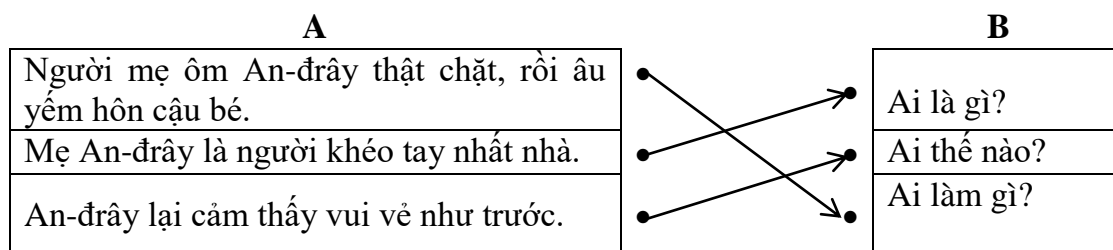
6. Câu kể Ai thế nào?

Tính từ là: trắng, vàng, tuyệt đẹp.

7. màu đỏ được điểm xuyết bằng một miếng vải màu xanh ở chính giữa.

8. Trả lời: Các từ láy là: **lo lắng, âu yếm, vui vẻ, ngốc nghếch.**

9.



II- Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn:

Câu 1. Điền vào chỗ trống tiếng bắt đầu bằng l hoặc n:

Sông (1).....uốn khúc giữa (2)rồi chạy dài bất tận. Những bờ tre xanh vun vút chạy dọc theo bờ sông. Tối tối, khi ông trăng tròn vắt ngang ngọn tre soi bóng xuống dòng sông (3)lánh thì mặt (4).....gợn sóng,(5).....linh ánh vàng. Chiều chiều, khi ánh hoàng hôn buông xuống, em (6).....ra sông hóng mát. Trong sự yên (7).....của dòng sông, em nghe rõ cả tiếng thì thào của hàng tre xanh và cảm thấy thanh thoi, trong sáng cả tâm (8).....

(Theo Dương Vũ Tuấn Anh)

(Gợi ý lựa chọn: (1) lằm/nằm; (2) làng/ nàng; (3) lấp/ nấp; (4) lược / nước; (5) lung/nung; (6) lại /nại; (7) lặng/ nặng; (8) lòng/ nòng)

Câu 2. a) Gạch dưới những câu kể Ai làm gì? Trong đoạn văn sau:

(1) Khi biết bà đi chợ, tất cả chúng tôi, sáu, bảy đứa cháu của bà loan tin cho nhau rất nhanh. (2) Thế là, sáng hôm ấy, dù làm gì thì cỡ chín, mười giờ, chúng tôi cũng về đông đủ ở ngõ nhà. (3) Trong khi chờ đợi, chúng tôi đánh khăng, chơi khăng, chơi khăng, chơi quay. (4) Khi thấy bà về, chúng tôi bỏ ngay con khăng, chạy ùa ra túm lấy áo bà. (5) Chúng tôi giậm chân, vỗ tay kéo về sân nhà. (6) Bà tôi từ từ hạ thúng xuống. (7) Ôi, một chiếc bánh đa vừng to như cái vỉ nằm ở trên cùng. (8) Bà tôi bẻ ra từng mẩu bằng bàn tay chia cho từng đứa một. (9) Chúng tôi ăn rau rầu. (10) Bánh đa giòn quá, có vị bùi của vừng, có vị ngọt của mật. (11) Bà ngồi nhìn các cháu ăn ngon lành, cười sung sướng.

(Theo M. Hùng)

b) Chọn 3 câu kể Ai làm gì? Trong đoạn văn trên và ghi chủ ngữ, vị ngữ của mỗi câu vào bảng:

Chủ ngữ Trả lời cho câu hỏi: Ai (cái gì, con gì)?	Vị ngữ Trả lời cho câu hỏi: Làm gì?
M: (1) tất cả chúng tôi, sáu, bảy đứa cháu của bà	loan tin cho nhau rất nhanh

Câu 3. Chữa dòng sau thành câu đúng theo 2 cách khác nhau (a, b):

Hình ảnh bà ngồi ở bậc cửa mỉm cười nhìn các cháu ăn bánh đa ngon lành.

a) Bỏ đi một từ

.....
.....

b) Thêm bộ phận vị ngữ

.....
.....

Câu 4. Viết đoạn văn ở phần thân bài (khoảng 6 câu) tả một đồ dùng học tập của em.

Gợi ý: Em có thể viết đoạn văn tả bao quát hoặc đoạn văn tả chi tiết một đồ dùng học tập. Khi tả bao quát, cần nêu những đặc điểm về hình dáng, kích thước, màu sắc, chất liệu, những điểm nổi bật về cấu tạo... của đồ dùng học tập được chọn; chú ý dùng nhiều từ ngữ gợi tả, dùng cách so sánh, nhân hóa để làm cho đoạn văn sinh động, hấp dẫn.

.....
.....
.....
.....

.....
Đáp án: Phần II

Câu 1.

(1) nằm (2) làng (3) lấp (4) nước (5) lung (6) lại (7) lặng (8) lòng.

2. a) Gạch dưới những câu kể Ai làm gì? (không kể M)

(2) (3) (4) (5) (6) (8) (9) (11)

b) Ghi chủ ngữ, vị ngữ của 3 câu, VD:

Chủ ngữ	Vị ngữ
(2) chúng tôi	cũng về đông đủ ở ngõ nhà
(3) chúng tôi	đánh khăng, chơi khăng, chơi quay
(4) chúng tôi	bỏ ngay con khăng, chạy ùa ra túm lấy áo bà

Câu 3. VD: a) Bà ngồi trên bậc cửa mỉm cười nhìn các cháu ăn bánh đa ngon lành.

b) Hình ảnh bà ngồi ở bậc cửa mỉm cười nhìn các cháu ăn bánh đa ngon lành còn in đậm trong trí nhớ của tôi.

III- Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

Câu 1. Điền vào chỗ trống:

a) s hoặc x

Chiềuau khu vườn nhỏ

Vòm lá rung tiếng đàn

Ca...ĩ là chim ...ê

Khán giả là hoa vàng

Tất cả cùng hợp....ướng

Những lời ca reo vang.

(Theo Lê Minh Quốc)

b) iêc hoặc iêt

Hai thạch sùng gặp nhau

Lại chơi trò đuổi bắt

Miệng cứ kêu t.....t.....

Là đếm nhịp hai ba.

Cả hai vui đi ngửa

Ngoe nguẩy bụng trần nhà

Điều này chưa ai b.....

Gánh x.... đầy tài hoa.

(Theo Phùng Ngọc Hùng)

Câu 2. a) Gạch dưới các câu kể Ai làm gì? trong đoạn văn sau:

Buổi sáng, Bé dậy sớm, ngồi học bài. Dậy sớm học bài là một thói quen tốt. Nhưng phải cố gắng lắm mới có được thói quen ấy. Rét ghê. Thế mà Bé vùng dậy, chui ra khỏi cái chăn ấm. Bé ngồi học bài.

b) Gạch dưới bộ phận chủ ngữ trong mỗi câu sau:

(1) Những em bé quần áo đủ màu sắc đang nô đùa trên sân trường.

(2) Bàn tay mềm mại của Tấm rắc đều những hạt cơm quanh cá bống.

Câu 3. a) Khoanh tròn từ có tiếng tài không cùng nghĩa với tiếng tài ở các từ còn lại trong mỗi dãy sau:

(1). Tài giỏi, tài ba, tài sản, tài đức, tài trí, tài nghệ, nhân tài, thiên tài, tài hoa, tài tử

(2). Tài chính, tài khoản, tài sản, tài hoa, gia tài, tài vụ, tiền tài, tài lộc

b) Chọn thành ngữ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào từng chỗ trống trong câu:

(tài tử giai nhân; tài cao đức trọng; tài hèn đức mọn)

(1) Không thể để những kẻ..... phạm tội tham nhũng mà sống ngang nhiên.

(2) Nguyễn Trãi là một nhà yêu nước thương dân tha thiết, một nhà bác học uyên thâm, có.....

(3) Dập dìu.....

Ngựa xe như nước, áo quần như nêm.

(Theo Nguyễn Du)

Câu 4. Viết đoạn văn mở bài theo kiểu gián tiếp và kết bài theo kiểu mở rộng cho bài văn tả một đồ chơi của em.

a) Đoạn mở bài:

.....
.....
.....

b) Đoạn kết bài:

.....
.....

Đáp án Phần III

Câu 1.

a)

Chiều sau khu vườn nhỏ

Vòm lá rung tiếng đàn

Ca sĩ là chim sẻ

Khán giả là hoa vàng

Tất cả cùng hợp xướng

Những lời ca reo vang

b)

Hai thạch sùng gặp nhau

Lại chơi trò đuổi bắt

Miệng cứ kêu tiéc tiéc

Là đếm nhịp hai ba.

Cả hai vui đi ngửa

Ngoe nguẩy bụng trần nhà

Điều này chưa ai biết

Gánh xiếc đầy tài hoa.

Câu 2. a) Gạch dưới các câu: Buổi sáng, Bé dậy sớm, ngồi học bài. / Thế mà Bé vùng dậy, chui ra khỏi cái chăn ấm. Bé ngồi học bài.

b) Gạch dưới chủ ngữ: Những em bé quần áo đủ màu sắc đang nô đùa trên sân trường. / Bàn tay mềm mại của Tấm rắc đều những hạt cơm quanh cá bống.

Câu 3. a) (1) tài sản (2) tài hoa

b) (1) tài hèn đức mỏng (2) tài cao đức trọng (3) tài tử giai nhân